

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày 14-3-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Võ Đức Huy.

2- Ông Trần Văn Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thường Ân – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25a/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: [Ngân hàng N](#). Địa chỉ: [Số A T, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội](#). Người đại diện theo pháp luật: Ông [Phạm Toàn V](#) - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông [Nguyễn Ngọc Khang A](#) – Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch – Kinh doanh [Ngân hàng N](#) - [Chi nhánh huyện T](#). Địa chỉ: [Khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An](#). (có mặt)

Bị đơn: Ông [Trình Minh T](#), sinh năm 1961. Địa chỉ: [Số B T, khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An](#). (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà [Phan Thị C](#), sinh năm 1966. Địa chỉ: [Số B T, khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An](#). (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-9-2023 và trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn là ông [Nguyễn Ngọc Khang A](#) trình bày: Ngày 11-5-2022, [Ngân hàng](#)

N - Chi nhánh huyện T (gọi tắt là A1 Chi nhánh huyện T) và ông Trình Minh T ký Hợp đồng tín dụng số: 6608LAV202201072 vay 900.000.000 đồng. Mục đích vay vốn thu mua chế biến bán lúa. Thời hạn cho vay 12 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng: 10% năm và được điều chỉnh theo qui định lãi suất cho vay theo từng thời điểm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để bảo đảm khoản tiền vay, ông Trình Minh T và bà Phan Thị C thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ 1-22a, loại đất thổ, diện tích 195,6 m², tọa lạc tại số B T, khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An cho Ngân hàng N (viết tắt là A1) theo Hợp đồng thế chấp số 040170/HĐTC ngày 12-5-2021. Đến hạn trả nợ vay ông T và bà C không thanh toán, A1 Chi nhánh huyện T đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà C trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên nhưng đến nay ông T và bà C không thực hiện. Do đó thông qua A1 Chi nhánh huyện T yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà C phải trả cho A1 toàn bộ số tiền nợ vay, tạm tính đến ngày 18-9-2023 là 981.610.273 đồng, trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 81.610.273 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 61.841.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 19.769.177 đồng).

Số tiền gốc vay, ông Trình Minh T và bà Phan Thị C, phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 19-9-2023 theo mức lãi quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho A1. Trường hợp ông T và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì A1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn là ông Trình Minh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị C trình bày: Ngày 11-5-2022, vợ chồng ông T bà C có ký hợp đồng vay tiền của A1 Chi nhánh huyện T, số tiền vay là 900.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 6608LAV202201072. Khi đến hạn trả do gia đình gặp khó khăn nên chưa trả nợ cho Ngân hàng được. Nay ông T và bà C đồng ý trả toàn bộ tiền gốc vay và tiền lãi cho ngân hàng trong thời gian 04 tháng tính từ ngày 04-01-2024 đến ngày 04-5-2024. Trường hợp ông T và bà C không thực hiện trả nợ đúng hạn thì ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn yêu cầu ông T và bà C toàn bộ số tiền vay tính đến ngày 14-3-2024 là 1.057.321.233 đồng, trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 157.321.233 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 61.841.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.081.507 đồng). Số tiền gốc vay, ông T và bà C phải trả lãi phát sinh tiếp từ ngày 15-3-2024 theo mức lãi quá hạn cho đến ngày trả hết nợ gốc cho A1. Trường hợp ông T và bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì A1 có quyền yêu cầu cơ

quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Ông [T](#) và bà [C](#) đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị nguyên đơn cho trả nợ dần. Các đương sự không thỏa thuận được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ các quy định về trình tự phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Vào ngày 11-5-2022, ông [T](#) và bà [C](#) có ký hợp đồng tín dụng vay của [A1 Chi nhánh huyện T](#) số tiền 900.000.000 đồng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10% năm được điều chỉnh theo qui định lãi suất cho vay theo từng thời điểm. Nay thời hạn vay đã hết, ông [T](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên [A1](#) khởi kiện yêu cầu ông [T](#) và bà [C](#) trả số tiền vay còn nợ, trường hợp bên vay không trả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 91 luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

tố tụng: Theo đơn khởi kiện [A1](#) yêu cầu ông [Trình Minh T](#) và bà [Phan Thị C](#) trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, ông [T](#) và bà [C](#) đồng ý trả nợ theo yêu cầu của [A1](#) nhưng đề nghị cho trả dần, các bên không thỏa thuận được. Như vậy tranh chấp giữa [A1](#) với ông [T](#) và bà [C](#) là tranh chấp hợp đồng tín dụng, căn cứ theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

[2.1] Theo lời trình bày của đương sự và tài liệu do [A1](#) cung cấp xác định: Vào ngày 11-5-2022, ông [Trình Minh T](#) và bà [Phan Thị C](#) ký hợp đồng tín dụng với [A1 Chi nhánh huyện T](#) để vay số tiền 900.000.000 đồng, kỳ hạn vay là 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10% năm và được điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời điểm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả là 5%/năm, phí trả nợ là 0,5%/năm. Kỳ hạn trả lãi 3 tháng một lần. Ngày 27-10-2022, [A1](#) giải ngân số tiền cho ông [T](#), bà [C](#) vay là 900.000.000 đồng. Đến hạn ông [T](#), bà [C](#) không trả tiền vay, ngày 28-4-2023 [A1](#) chuyển số tiền vay sang nợ quá hạn. Như vậy, ông [T](#) và bà [C](#) vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó [A1](#) khởi kiện yêu cầu

ông T và bà C trả hết số tiền vay còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất vay, phí vay: Theo quy định của Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất và phí mà A1 thỏa thuận với ông T và bà C trong hợp đồng phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28-6-2023. Do đó ông T và bà C phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền lãi và phí phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (14-3-2024) là 1.057.321.233 đồng, trong đó nợ gốc là 900.000.000 đồng, nợ lãi là 157.321.233 đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 61.841.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.081.507 đồng).

[3] Số tiền nợ gốc là 900.000.000 đồng ông T và bà C phải tiếp tục trả lãi từ ngày 15-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[4] Về tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản tiền vay, ông T và bà C thế chấp cho A1 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ 1-22a, loại đất thổ, diện tích 195,6 m², tọa lạc tại số B T, khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An theo Hợp đồng thế chấp số 040170/HĐTC ngày 12-5-2021. Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông T và bà C, Hợp đồng thế chấp có đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thành phố T, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật. Như vậy, Hợp đồng thế chấp nói trên có hiệu lực, khi bên vay không trả thì A1 có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì ông T và bà C phải chịu toàn bộ tiền án phí là 43.719.000 đồng. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí, do đó căn cứ theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí cho ông T, phần án phí bà C phải chịu là 21.859.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Ngân hàng N](#) đối với ông [Trinh Minh T](#) và bà [Phan Thi C](#) về hợp đồng tín dụng.

Buộc ông ông [Trinh Minh T](#) và bà [Phan Thi C](#) phải trả cho [Ngân hàng N](#) (trả tại [Chi nhánh huyện T](#) số tiền nợ vay tính đến ngày 14-3-2024 là 1.057.321.233 đồng, trong đó nợ gốc là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng, nợ lãi là 157.321.233 (Một trăm năm mươi bảy triệu ba trăm hai mươi một ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng (gồm nợ lãi trong hạn là 61.841.096 đồng, nợ lãi quá hạn là 35.081.507 đồng).

2. Số tiền nợ gốc vay chưa thanh toán 900.000.000 đồng, ông [T](#) và bà [C](#) phải tiếp tục trả lãi quá hạn từ ngày 15-3-2024 cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc này theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngày 11-5-2022.

3. Ngay sau khi ông [Trinh Minh T](#) và bà [Phan Thi C](#) trả xong nợ thì [A1 Chi nhánh huyện T](#) trả cho ông [Trinh Minh T](#) và bà [Phan Thi C](#) giấy tờ về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 33, tờ bản đồ 1-22a, loại đất thổ, tọa lạc tại [số B T, khu phố B, Phường C, thành phố T, tỉnh Long An](#) đồng thời yêu cầu xóa đăng ký thế chấp. Trường hợp bên vay không trả hết nợ thì [A1](#) có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 040170/HĐTC ngày 12-5-2021 để thu hồi nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông [Trinh Minh T](#) được miễn tiền án phí, bà [Phan Thi C](#) phải chịu 21.859.500 (Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

[Ngân hàng N](#) không chịu án phí. Hoàn trả [Ngân hàng N](#) tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.724.000 (Hai triệu bảy trăm hai mươi bốn ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0008035 ngày 13-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

5. Án này xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14-3-2024).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- CCTHADS huyện Thủ thừa;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến